CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG
Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net
TAN HUY HOANG CO., LTD
VIMCERTS 076

Số phiếu: 04086/2024/PKQ-THH (24.4813) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH HƯNG NGHIỆP FORMOSA
2. **Địa điểm lấy mẫu** : NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN ĐỐT THAN
3. **Địa chỉ lấy mẫu** : Khu công nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. **Ngày lấy mẫu** : 07/10/2024
5. **Thời gian thử nghiệm** : 08/10/2024 - 14/10/2024
6. **Ngày trả kết quả** : 15/10/2024
7. **Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	241008.KT.011	Ống khói lò hơi VN1 (KT-VN1) (X = 1187045; Y = 410775)	Khí thải tại nguồn

8. **Kết quả thử nghiệm** :

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,8
1	HF(b)	mg/Nm^3	US EPA Method 26A	KPH (MDL = 0,04)	**12,8**

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,8: - Cột B: Nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015; Kp: Hệ số lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh , dịch vụ công nghiệp. Kv: Hệ số vùng, khu vực ứng với địa điểm đặt các nhà máy, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp phát sinh khí thải vào môi trường không khí.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

PHỤ TRÁCH PTN **P.GIÁM ĐỐC**

Vũ Thị Hà **ThS. Phạm Thị Hải Yến**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG
Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net
TAN HUY HOANG CO., LTD
VIMCERTS 076

Số phiếu: 04101/2024/PKQ-THH (24.4845) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HƯNG NGHIỆP FORMOSA
2. **Địa điểm lấy mẫu** : NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN ĐỐT THAN
3. **Địa chỉ lấy mẫu** : Khu công nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. **Ngày lấy mẫu** : 09/10/2024
5. **Thời gian thử nghiệm** : 10/10/2024 - 15/10/2024
6. **Ngày trả kết quả** : 15/10/2024
7. **Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	241010.KT.014	Ống khói lò hơi VN2 (KT-VN2) (X = 1186960; Y = 410769)	Khí thải tại nguồn

8. **Kết quả thử nghiệm** :

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,8
1	HF(b)	mg/Nm^3	US EPA Method 26A	KPH (MDL = 0,04)	**12,8**

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,8: - Cột B: Nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015; Kp: Hệ số lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh , dịch vụ công nghiệp. Kv: Hệ số vùng, khu vực ứng với địa điểm đặt các nhà máy, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp phát sinh khí thải vào môi trường không khí.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

PHỤ TRÁCH PTN **P.GIÁM ĐỐC**

Vũ Thị Hà **ThS. Phạm Thị Hải Yến**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG
Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net
TAN HUY HOANG CO., LTD
VILAS 778
VIMCERTS 076

Số phiếu: 04508/2024/PKQ-THH (24.4882) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2024*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HƯNG NGHIỆP FORMOSA

2. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC CẤP SÔNG ĐỒNG MÔN

3. Địa chỉ lấy mẫu : Ấp Bến Cam, xã Phước Thiền, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4. Ngày lấy mẫu : 11/10/2024

5. Thời gian thử nghiệm : 12/10/2024 - 06/11/2024

6. Ngày trả kết quả : 06/11/2024

7. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	241012.KK.013	Khu vực đầu hướng gió cách khuôn viên khu xử lý nước 100-300m (K1) (X= 1186017; Y=412311)	Không khí xung quanh
2	241012.KK.014	Khu vực cuối hướng gió cách khuôn viên khu xử lý nước 100-300m (K2) (X= 1186041; Y= 412319)	Không khí xung quanh
3	241012.KK.015	Khuôn viên khu xử lý nước (K3) (X= 1186036; Y= 412304)	Không khí lao động
4	241012.NM.004	Đầu vào hệ thống xử lý nước cấp (lấy tại họng hút nước sông Đồng Môn) (NM6)	Nước mặt

8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

VIMCERTS 076

PHỤ TRÁCH PTN **P.GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG TÂN HUY HOÀNG

Vũ Thị Hà **ThS. Phạm Thị Hải Yến**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 04508/2024/PKQ-THH (24.4882) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 241012.KK.013)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Bụi tổng số (TSP)(b)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995.	178	**300**
2	Nito đioxit (NO_2)(b)	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	50	**200**
3	Lưu huỳnh đioxit (SO_2)(b)	µg/Nm^3	TCVN 5971:1995.	59	**350**
4	Cacbon monoxit (CO)(b)	µg/Nm^3	QT-PTKCO-29	2.956	**30.000**
5	Amoniac (NH_3)(b)	µg/Nm^3	TCVN 5293:1995.	KPH (MDL=13)	**200**

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 241012.KK.013: Khu vực đầu hướng gió cách khuôn viên khu xử lý nước 100-300m (K1) (X= 1186017; Y=412311)

VIMCERTS 076

1. *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.*
2. *Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
3. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại*
4. *Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng*

Số phiếu: 04508/2024/PKQ-THH (24.4882) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 241012.KK.014)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Bụi tổng số (TSP)(b)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995.	195	**300**
2	Nito đioxit (NO_2)(b)	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	51	**200**
3	Lưu huỳnh đioxit (SO_2)(b)	µg/Nm^3	TCVN 5971:1995.	69	**350**
4	Cacbon monoxit (CO)(b)	µg/Nm^3	QT-PTKCO-29	3.093	**30.000**
5	Amoniac (NH_3)(b)	µg/Nm^3	TCVN 5293:1995.	KPH (MDL=13)	**200**

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 241012.KK.014: Khu vực cuối hướng gió cách khuôn viên khu xử lý nước 100-300m (K2) (X= 1186041; Y= 412319)

VIMCERTS 076

1. *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.*
2. *Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
3. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại*
4. *Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng*

Số phiếu: 04508/2024/PKQ-THH (24.4882) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 241012.KK.015)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT
					Làm việc 6 ngày
1	Cacbon monoxit (CO)(c)	mg/m^3	QT-PTKCO-29.	3,6	**15,63**
2	Nito đioxit (NO_2)(c)	mg/m^3	TCVN 6137:2009.	0,05	**3,91**
3	Lưu huỳnh đioxit (SO_2)(c)	mg/m^3	TCVN 5971:1995.	0,059	**3,91**
4	Amoniac (NH_3)(c)	mg/m^3	TCVN 5293:1995.	KPH (MDL=0,013)	**13,28**
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(c)	mg/m^3	TCVN 5067:1995.	0,46	**6,25**(1)

Chú thích: (c)- Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do Bộ TN&MT ban hành, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và chỉ mang tính chất tham khảo;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

- (1): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 241012.KK.015: Khuôn viên khu xử lý nước (K3) (X= 1186036; Y= 412304)

VIMCERTS 076

1. *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.*
2. *Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
3. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại*
4. *Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng*

Số phiếu: 04508/2024/PKQ-THH (24.4882) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 241012.NM.004)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08:2023/BTNMT	
					Bảng 1	Bảng 2: Mức A
1	pH(a,b)	-	TCVN 6492:2011	**5,78**	-	**6,5 ÷ 8,5**
2	BOD_5(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	**10**	-	**≤ 4**
3	COD(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	**23**	-	**≤ 10**
4	Oxy hòa tan (DO)(a,b)	mg/L	TCVN 7325 : 2016.	**4,15**	-	**≥ 6**
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	19	-	**≤ 25**
6	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996.	**1,38**	**0,3**	-
7	Clorua (Cl^-).(a,b)	mg/L	TCVN 6194:1996.	30	**250**	-
8	Xyanua (CN-)(a,b)	mg/L	TCVN 6181:1996.	KPH (MDL=0,002)	**0,01**	-
9	Asen (As)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	**0,01**	-
10	Cadimi (Cd)(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	**0,005**	-
11	Chì (Pb)(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	**0,023**	**0,02**	-
12	Crom VI (Cr^{6+})(a,b)	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2023	<0,01 (LOQ=0,01)	**0,01**	-
13	Crom III (Cr^{3+})(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023+ SMEWW 3500Cr.B:2023	<0,01 (LOQ=0,01)	-	-
14	Đồng (Cu)(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	**0,1**	-
15	Kẽm (Zn)(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,055	**0,5**	-
16	Niken (Ni)(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)	**0,1**	-
17	Mangan (Mn)(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	**0,1**	-
18	Thủy ngân (Hg)(a,b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0002)	**0,001**	-
19	Florua (F^-)(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	0,07	**1**	-
20	Sắt (Fe)(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	**1,47**	**0,5**	-
21	Bari (Ba)(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B : 2023	KPH (MDL=0,03)	-	-

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 04508/2024/PKQ-THH (24.4882) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2024*

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08:2023/BTNMT	
					Bảng 1	Bảng 2: Mức A
22	Thiếc (Sn)[d]	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,03)	-	-
23	Chất hoạt động bề mặt anion[a,b]	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,025)	**0,1**	-
24	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (2.4'-DDT)[b]	µg/L	US.EPA Method 3510C + US.EPA Method 3620C + US.EPA Method 8270D.	KPH (MDL=0,003)	-	-
25	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (4.4'-DDT)[b]	µg/L	US.EPA Method 3510C + US.EPA Method 3620C + US.EPA Method 8270D.	KPH (MDL=0,003)	-	-
26	Tổng phenol[a,b]	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL=0,001)	**0,005**	-
27	Tổng Dầu mỡ[b]	mg/L	SMEWW 5520B:2023	1,4	**5**	-
28	Nitrat (NO_3^- tính theo N)[a,b]	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	<0,2 (LOQ=0,2)	-	-
29	Nitrit (NO_2^- tính theo N)[a,b]	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	**0,079**	**0,05**	-
30	Tổng hoạt độ Phóng xạ α[d]	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL=0,02)	**0,1**	-
31	Tổng hoạt độ phóng xạ β[d]	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL=0,3)	**1**	-
32	Sunfat (SO_4^{2-})[a,b]	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	12,6	-	-
33	Tổng Nitơ[a,b]	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 & SMEWW 4500-NO3-.E:2023	**1,8**	-	**≤ 0,6**
34	Coliform.[a,b]	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	**2,4 x 10^3**	-	**≤ 1000**
35	*E.Coli*[a,b]	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B&G:2023	KPH (MDL=1,8)	**20**	-

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- - (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 22 do Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 3 thực hiện; chỉ tiêu số 30,31 do Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú - Vimcerts 292 thực hiện;

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khoẻ con người theo QCVN 08:2023/BTNMT

- Bảng 2: Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp. (Phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước)

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 241012.NM.004: Đầu vào hệ thống xử lý nước cấp (lấy tại họng hút nước sông Đồng Môn) (NM6)

1. *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.*
2. *Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
3. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại*
4. *Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng*

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG
Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net
TAN HUY HOANG CO., LTD
VILAS 778
VIMCERTS 076

Số phiếu: 04255/2024/PKQ-THH (24.4883) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2024*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH HƯNG NGHIỆP FORMOSA
2. **Địa điểm lấy mẫu** : TUYẾN ỐNG CẤP NƯỚC TỪ ĐẬP SUỐI CẢ VỀ TRẠM BƠM FORMOSA
3. **Địa chỉ lấy mẫu** : Khu công nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. **Ngày lấy mẫu** : 11/10/2024
5. **Thời gian thử nghiệm** : 12/10/2024 - 25/10/2024
6. **Ngày trả kết quả** : 25/10/2024
7. **Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	241012.NM.005	Đập Suối Cả (Đập Cầu Mới) (NM10) (X = 1187 832; Y = 420 977)	Nước mặt

8. **Kết quả thử nghiệm** : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN **P.GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG TÂN HUY HOÀNG

Vũ Thị Hà **ThS. Phạm Thị Hải Yến**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 04255/2024/PKQ-THH (24.4883) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 241012.NM.005)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08:2023/BTNMT	
					Bảng 1	Bảng 2: Mức A
1	pH(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,59	-	**6,5 ÷ 8,5**
2	BOD_5(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	**11**	-	**≤ 4**
3	Màu(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	52	-	-
4	COD(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	**32**	-	**≤ 10**
5	Oxy hòa tan (DO)(a,b)	mg/L	TCVN 7325 : 2016.	**4,43**	-	**≥ 6**
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	12	-	**≤ 25**
7	Độ cứng(a,b)	mg/L	TCVN 6224:1996.	549	-	-
8	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996.	**1,43**	**0,3**	-
9	Clorua (Cl^-).(a,b)	mg/L	TCVN 6194:1996.	**1.459**	**250**	-
10	Xyanua (CN-)(a,b)	mg/L	TCVN 6181:1996.	KPH (MDL=0,002)	**0,01**	-
11	Asen (As)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	**0,01**	-
12	Chì (Pb)(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	**0,047**	**0,02**	-
13	Đồng (Cu)(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	**0,1**	-
14	Kẽm (Zn)(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,05 (LOQ=0,05)	**0,5**	-
15	Niken (Ni)(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,05	**0,1**	-
16	Mangan (Mn)(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,1 (LOQ=0,1)	**0,1**	-
17	Florua (F^-)(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	0,54	**1**	-

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 04255/2024/PKQ-THH (24.4883) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2024*

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08:2023/BTNMT	
					Bảng 1	Bảng 2: Mức A
18	Sắt (Fe)[a,b]	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,29	**0,5**	-
19	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (2.4'-DDT)[b]	µg/L	US.EPA Method 3510C + US.EPA Method 3620C + US.EPA Method 8270D.	KPH (MDL=0,003)	-	-
20	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (4.4'-DDT)[b]	µg/L	US.EPA Method 3510C + US.EPA Method 3620C + US.EPA Method 8270D.	KPH (MDL=0,003)	-	-
21	Tổng phenol[a,b]	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL=0,001)	**0,005**	-
22	Tổng Dầu mỡ[b]	mg/L	SMEWW 5520B:2023	1,2	**5**	-
23	Nitrat (NO_3^- tính theo N)[a,b]	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	2,91	-	-
24	Nitrit (NO_2^- tính theo N)[a,b]	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	**1,87**	**0,05**	-
25	Sunfat (SO_4^{2-})[a,b]	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	790	-	-
26	Coliform.[a,b]	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	**$1,7 \times 10^3$**	-	**≤ 1000**
27	*E.Coli*[a,b]	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B&G:2023	KPH (MDL=1,8)	**20**	-

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khoẻ con người theo QCVN 08:2023/BTNMT

- Bảng 2: Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp. (Phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước)

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 241012.NM.005: Đập Suối Cả (Đập Cầu Mới) (NM10) (X = 1187 832; Y = 420 977)

VIMCERTS 076

1. *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.*
2. *Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
3. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại*
4. *Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng*

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG
Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net
TAN HUY HOANG CO., LTD
VILAS 778
VIMCERTS 076

Số phiếu: 04254/2024/PKQ-THH (24.4884) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2024*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH HƯNG NGHIỆP FORMOSA
2. **Địa điểm lấy mẫu** : TUYẾN ỐNG CẤP NƯỚC TỪ ĐẬP LONG AN VỀ TRẠM BƠM FORMOSA
3. **Địa chỉ lấy mẫu** : Khu công nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. **Ngày lấy mẫu** : 11/10/2024
5. **Thời gian thử nghiệm** : 12/10/2024 - 25/10/2024
6. **Ngày trả kết quả** : 25/10/2024
7. **Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	241012.NM.006	Đập Long An (NM9)	Nước mặt

8. **Kết quả thử nghiệm** : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN **P.GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG TÂN HUY HOÀNG

Vũ Thị Hà **ThS. Phạm Thị Hải Yến**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 04254/2024/PKQ-THH (24.4884) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 241012.NM.006)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08:2023/BTNMT	
					Bảng 1	Bảng 2: Mức A
1	pH(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,78	-	**6,5 ÷ 8,5**
2	BOD_5(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	**8,2**	-	**≤ 4**
3	Màu(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	45	-	-
4	COD(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	**29**	-	**≤ 10**
5	Oxy hòa tan (DO)(a,b)	mg/L	TCVN 7325 : 2016.	**4,37**	-	**≥ 6**
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	**10**	-	**≤ 25**
7	Độ cứng(a,b)	mg/L	TCVN 6224:1996.	489	-	-
8	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996.	**1,22**	**0,3**	-
9	Clorua (Cl^-).(a,b)	mg/L	TCVN 6194:1996.	**1.274**	**250**	-
10	Xyanua (CN-)(a,b)	mg/L	TCVN 6181:1996.	KPH (MDL=0,002)	**0,01**	-
11	Asen (As)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	**0,01**	-
12	Chì (Pb)(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	**0,048**	**0,02**	-
13	Đồng (Cu)(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	**0,1**	-
14	Kẽm (Zn)(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,02)	**0,5**	-
15	Niken (Ni)(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,046	**0,1**	-

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 04254/2024/PKQ-THH (24.4884) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2024*

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08:2023/BTNMT	
					Bảng 1	Bảng 2: Mức A
16	Mangan (Mn)$^{(a,b)}$	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	**0,1**	-
17	Florua (F^-)$^{(a,b)}$	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	0,5	**1**	-
18	Sắt (Fe)$^{(a,b)}$	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,24	**0,5**	-
19	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (2.4'-DDT)$^{(b)}$	µg/L	US.EPA Method 3510C + US.EPA Method 3620C + US.EPA Method 8270D.	KPH (MDL=0,003)	-	-
20	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (4.4'-DDT)$^{(b)}$	µg/L	US.EPA Method 3510C + US.EPA Method 3620C + US.EPA Method 8270D.	KPH (MDL=0,003)	-	-
21	Tổng phenol$^{(a,b)}$	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL=0,001)	**0,005**	-
22	Tổng Dầu mỡ$^{(b)}$	mg/L	SMEWW 5520B:2023	1,5	**5**	-
23	Nitrat (NO_3^- tính theo N)$^{(a,b)}$	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	2,59	-	-
24	Nitrit (NO_2^- tính theo N)$^{(a,b)}$	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	**1,78**	**0,05**	-
25	Sunfat (SO_4^{2-})$^{(a,b)}$	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	681	-	-
26	Coliform.$^{(a,b)}$	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	$1,3 \times 10^3$	-	**≤ 1000**
27	*E.Coli*$^{(a,b)}$	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B&G:2023	KPH (MDL=1,8)	**20**	-

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khoẻ con người theo QCVN 08:2023/BTNMT

- Bảng 2: Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp. (Phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước)

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 241012.NM.006: Đập Long An (NM9)

1. *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.*
2. *Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
3. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại*
4. *Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng*

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG
Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net
TAN HUY HOANG CO., LTD
VILAS 778
VIMCERTS 076

Số phiếu: 04436/2024/PKQ-THH (24.5154) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2024*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH HƯNG NGHIỆP FORMOSA
2. **Địa điểm lấy mẫu** : NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN ĐỐT THAN
3. **Địa chỉ lấy mẫu** : Khu công nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. **Ngày lấy mẫu** : 23/10/2024
5. **Thời gian thử nghiệm** : 24/10/2024 - 02/11/2024
6. **Ngày trả kết quả** : 02/11/2024
7. **Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	241024.NT.011	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của nhà máy (NT9) (X= 1187 121; Y= 410 728)	Nước thải
2	241024.B.001	Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải (BT1)	BÙN

8. **Kết quả thử nghiệm** : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN **P.GIÁM ĐỐC**

Vũ Thị Hà

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG TÂN HUY HOÀNG

ThS. Phạm Thị Hải Yến

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 04436/2024/PKQ-THH (24.5154) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 241024.NT.011)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B, Kq=1,1 và Kf=1
1	BOD_5[a,b]	mg/L	TCVN 6001-2:2008	2,2	**55**
2	Asen (As)[b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	**0,11**
3	Thủy ngân (Hg)[a,b]	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0003)	**0,011**
4	Chì (Pb)[a,b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,025	**0,55**
5	Cadimi (Cd)[a,b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	**0,11**
6	Crom VI (Cr^{6+})[a,b]	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2023	<0,01 (LOQ=0,01)	**0,11**
7	Crom III (Cr^{3+})[b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023+ SMEWW 3500Cr.B:2023	<0,01 (LOQ=0,01)	**1,1**
8	Đồng (Cu)[a,b]	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,1 (LOQ=0,1)	**2,2**
9	Kẽm (Zn)[a,b]	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,24	**3,3**
10	Mangan (Mn)[a,b]	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	**1,1**
11	Niken (Ni)[a,b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,032	**0,55**
12	Sắt (Fe)[a,b]	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,24	**5,5**
13	Tổng Xianua (CN-)[a,b]	mg/L	TCVN 6181 : 1996	KPH (MDL=0,002)	**0,11**
14	Tổng phenol[a,b]	mg/L	SMEWW 5530.B&C:2023	KPH (MDL=0,001)	**0,55**
15	Tổng dầu mỡ khoáng[b]	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)	**11**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 04436/2024/PKQ-THH (24.5154) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2024*

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B, Kq=1,1 và Kf=1
16	Sunfua (S^{2-})[a,b]	mg/L	SMEWW 4500S2-.B&D:2023	KPH (MDL=0,015)	**0,55**
17	Florua (F^-)[a,b]	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	6,63	**11**
18	Tổng Nitơ[a,b]	mg/L	TCVN 6638:2000.	8,23	**44**
19	Tổng Photpho[a,b]	mg/L	TCVN 6202:2008.	0,02	**6,6**
20	Clo Dư[a,b]	mg/L	TCVN 6225-3:2011.	<0,6 (LOQ=0,6)	**2,2**
21	Coliform.[a,b]	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	33	**5.000**

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0: Cột B là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 241024.NT.011: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của nhà máy (NT9) (X= 1187 121; Y= 410 728)

VIMCERTS 076

1. *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.*
2. *Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
3. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại*
4. *Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng*

Số phiếu: 04436/2024/PKQ-THH (24.5154) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 241024.B.001)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 50:2013/BTNMT
					Hàm lượng tuyệt đối
1	pH.(b)	-	US.EPA Method 9040C & US.EPA Method 9045D	9,76	**2 ÷ 12,5**
2	Cadimi (Cd)(b)	ppm	US EPA Method 3050B+ SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,03)	**5,345**
3	Selen (Se)(b)	ppm	US EPA Method 3050B+ SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,3)	**10,69**
4	Kẽm (Zn)(b)	ppm	US EPA Method 3050B+ SMEWW 3111B:2023	34,4	**2.672,5**
5	Chì (Pb)(b)	ppm	US EPA Method 3050B+ SMEWW 3113B:2023	3,11	**160,35**
6	Crom VI (Cr^{6+})(b)	ppm	US.EPA Method 3060A + US.EPA Method 7196A.	KPH (MDL=0,88)	**53,45**

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

- Hàm lượng tuyệt đối: T = 0,51

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 241024.B.001: Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải (BT1)

VIMCERTS 076

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG
Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net
TAN HUY HOANG CO., LTD
VILAS 778
VIMCERTS 076

Số phiếu: 04602/2024/PKQ-THH (24.5484) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2024*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH HƯNG NGHIỆP FORMOSA
2. **Địa điểm lấy mẫu** : NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN ĐỐT THAN
3. **Địa chỉ lấy mẫu** : Khu công nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. **Ngày lấy mẫu** : 02/11/2024
5. **Thời gian thử nghiệm** : 04/11/2024 - 11/11/2024
6. **Ngày trả kết quả** : 11/11/2024
7. **Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	241104.NT.024	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của nhà máy (NT9) (X= 1187 121; Y= 410 728)	Nước thải

8. **Kết quả thử nghiệm** : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN **P.GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG TÂN HUY HOÀNG

Vũ Thị Hà **ThS. Phạm Thị Hải Yến**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 04602/2024/PKQ-THH (24.5484) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 241104.NT.024)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0
1	Asen (As)[b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	**0,11**
2	Thủy ngân (Hg)[a,b]	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0003)	**0,011**
3	Chì (Pb)[a,b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,009	**0,55**
4	Cadimi (Cd)[a,b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	**0,11**

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0: Cột B là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 241104.NT.024: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của nhà máy (NT9) (X= 1187 121; Y= 410 728)

VIMCERTS 076

1. *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.*
2. *Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
3. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại*
4. *Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng*

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG
Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net
TAN HUY HOANG CO., LTD
VIMCERTS 076

Số phiếu: 04874/2024/PKQ-THH (24.5666) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2024*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH HƯNG NGHIỆP FORMOSA
2. **Địa điểm lấy mẫu** : NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN ĐỐT THAN
3. **Địa chỉ lấy mẫu** : Khu công nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. **Ngày lấy mẫu** : 07/11/2024
5. **Thời gian thử nghiệm** : 08/11/2024 - 14/11/2024
6. **Ngày trả kết quả** : 14/11/2024
7. **Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	241108.KT.002	Ống khói lò hơi VN3 (KT-VN3)	Khí thải tại nguồn

8. **Kết quả thử nghiệm** :

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,8
1	HF(b)	mg/Nm^3	US EPA Method 26A	KPH (MDL = 0,04)	**12,8**

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,8: - Cột B: Nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015; Kp: Hệ số lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh , dịch vụ công nghiệp. Kv: Hệ số vùng, khu vực ứng với địa điểm đặt các nhà máy, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp phát sinh khí thải vào môi trường không khí.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

PHỤ TRÁCH PTN **P.GIÁM ĐỐC**

Vũ Thị Hà **ThS. Phạm Thị Hải Yến**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG
Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net
TAN HUY HOANG CO., LTD
VILAS 778
VIMCERTS 076

Số phiếu: 05416/2024/PKQ-THH (24.6394) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2024*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH HƯNG NGHIỆP FORMOSA
2. **Địa điểm lấy mẫu** : NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN ĐỐT THAN
3. **Địa chỉ lấy mẫu** : Khu công nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4. **Ngày lấy mẫu** : 02/12/2024
5. **Thời gian thử nghiệm** : 03/12/2024 - 06/12/2024
6. **Ngày trả kết quả** : 06/12/2024
7. **Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	241203.NT.020	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của nhà máy (NT9) (X= 1187 121; Y= 410 728)	Nước thải

8. **Kết quả thử nghiệm** : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN **P.GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG TÂN HUY HOÀNG

Vũ Thị Hà **ThS. Phạm Thị Hải Yến**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 05416/2024/PKQ-THH (24.6394) *TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 241203.NT.020)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B, Kq=1,1 và Kf=1
1	Asen (As)[b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	**0,11**
2	Thủy ngân (Hg)[a,b]	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0003)	**0,011**
3	Chì (Pb)[a,b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)	**0,55**
4	Cadimi (Cd)[a,b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	**0,11**

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B, Kq=1,1 và Kf=1: Cột B là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 241203.NT.020: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của nhà máy (NT9) (X= 1187 121; Y= 410 728)

VIMCERTS 076

1. *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.*
2. *Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
3. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại*
4. *Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng*